

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020

HƯỚNG DẪN GIEO TRỒNG GIỐNG NGÔ TÈ LAI F1 LVN10

I. NGUỒN GỐC: Là giống ngô lai đơn, do Viện Nghiên cứu Ngô lai tạo.

II. ĐẶC TÍNH GIỐNG

- Giống LVN10 thuộc nhóm giống chín muộn, thời gian sinh trưởng ở phía Bắc và Bắc Trung Bộ: Vụ Xuân 125 - 130 ngày, vụ Hè Thu 100 - 105 ngày, vụ Thu Đông 110 -120 ngày. Ở phía Nam và Nam Trung Bộ: 105 - 120 ngày (tùy theo vụ và độ cao).
- Chiều cao cây 200 - 240 cm, chiều cao đòng bắp 100 - 140 cm, số lá 20 - 21 lá. Khối lượng 1000 hạt 290 - 310 g, hạt màu vàng da cam.
- Tiềm năng năng suất cao 8-10 tấn/ha.
- LVN10 chịu hạn, chịu chua phèn tốt, chống đổ khá, chống chịu khá với các loại sâu bệnh hại.

III. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Thời vụ: Có thể trồng được quanh năm trên đất chủ động tưới tiêu, tuy nhiên cần gieo trồng để ngô trở cò - tung phấn - phun râu vào giai đoạn có thời tiết thuận lợi nhất (cần tránh ngô trở cò phun râu vào thời tiết nắng nóng kéo dài trên 35⁰C hoặc lạnh dưới 15⁰C) để đảm bảo năng suất. LVN10 có phổ thích ứng rộng, có thể trồng được nhiều vụ ở nhiều vùng sinh thái khác nhau:

- Khu vực Tây Bắc: Vụ Xuân Hè gieo 20/3 - 25/4; vụ Hè Thu gieo 25/7- 15/8.
- Khu vực Trung du, Đồng bằng Bắc Bộ và khu 4 cũ: Vụ Xuân gieo 20/1-15/2; vụ Hè Thu gieo 10/6-10/7; vụ Thu Đông gieo trước 30/9 (có thể làm bầu để trồng đến đầu tháng 10).
- Khu vực Miền Trung: Vụ Đông Xuân gieo tháng 12; vụ Hè Thu gieo tháng 5.
- Khu vực Tây Nguyên: Vụ Hè Thu gieo 25/4 - 10/ 5, vụ Thu Đông gieo 15/8-10/9.
- Khu vực Đông Nam bộ: Vụ Hè Thu gieo vào tháng 4 (khi có mưa); vụ Thu Đông gieo 20/8-5/9 và vụ Đông Xuân gieo 15/11-15/12 (yêu cầu phải có tưới).

Lưu ý: Nên tham khảo lịch thời vụ cụ thể của mỗi địa phương để gieo trồng hợp lý.

2. Mật độ, khoảng cách gieo: 5,1-5,5 vạn cây/ha, 65cm x 28-30cm.

- Lượng giống: 18-20 kg/ha.

3. Phân bón: Nên sử dụng phân bón tổng hợp NPK thay thế phân đơn. Cụ thể:

3.1. Đối với phân NPK Lâm Thao

Lượng phân bón cho 1 ha: 8 - 10 tấn phân hữu cơ (hoặc 2 tấn phân vi sinh) + 700kg NPK (5:10:3) + 555kg NPK (12:5:10) + 60kg Urê.

- Bón lót: 8 - 10 tấn phân hữu cơ (hoặc 2 tấn phân vi sinh) + 700kg NPK (5:10:3)
- Tưới dặm (ngô 2-3 lá): Tưới hoặc bón 60kg Urê/ha

- Bón thúc lần 1 (ngô 4-5 lá): Bón 50% phân NPK (12:5:10)
- Bón thúc lần 2 (ngô 8-9 lá): Bón hết lượng phân NPK (12:5:10) còn lại

Lưu ý: Nếu sử dụng phân tổng hợp NPK khác, bón theo hướng dẫn trên bao bì.

3.2. Đối với phân đơn

Lượng phân bón cho 1 ha: 8 - 10 tấn phân hữu cơ (hoặc 2 tấn phân vi sinh) + 320-370 kg đạm Urê (150 – 170 kg N) + 470- 530 kg Supe lân (80 – 90 kg P₂O₅) + 130-150 kg Kaliclorua (80 – 90 kg K₂O).

- Bón lót: Toàn bộ phân hữu cơ và phân lân + 1/4 lượng đạm.
- Bón thúc lần 1 (ngô 4 - 5 lá): 1/4 lượng đạm + 1/2 lượng kali.
- Bón thúc lần 2 (ngô 8 - 9 lá): 1/2 lượng đạm + 1/2 lượng kali.

4. Chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh.

4.1. Chăm sóc

- Xới xáo, dặm tỉa ngay sau khi mọc để đảm bảo mật độ.
- Bón thúc lần 1 kết hợp làm sạch cỏ dại và vun nhẹ quanh gốc.
- Bón thúc lần 2 kết hợp làm sạch cỏ dại và vun cao chống đổ.
- Có thể dùng thuốc trừ cỏ chọn lọc: Atamex 800WP, Mizin 80WP,... phun khi cỏ chưa mọc hoặc cỏ còn non (2-3 lá).

Lưu ý: Trước khi phun mật ruộng phải đủ ẩm, sau khi phun nếu gặp mưa không được để ruộng đọng nước.

4.2. Tưới tiêu

Đảm bảo đủ độ ẩm đất cho ngô trong suốt quá trình sinh trưởng và phát triển, đặc biệt chú ý vào các thời kỳ ngô 5-7 lá, xoắn nõn, trổ cờ, chín sữa.

Lưu ý: Sau khi tưới nước hoặc sau mưa phải thoát hết nước đọng trong ruộng ngô.

4.3. Phòng trừ sâu bệnh hại.

Thường xuyên theo dõi tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng để phòng trừ kịp thời.

Sử dụng thuốc hoá học theo hướng dẫn của ngành bảo vệ thực vật hoặc hướng dẫn trên bao bì của nhà sản xuất.

5. Thu hoạch:

- Nên thu hoạch khi ngô đã chín (lá bi khô, chân hạt đen).
- Chọn ngày có thời tiết khô ráo để thu hoạch.

Chú ý: Không sử dụng hạt thương phẩm làm giống cho vụ sau.